

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2020/DSPT  
Ngày 17 – 12 – 2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Triết.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Duy Thuấn và bà Nguyễn Thị Hằng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông  
Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 246/2020/TLPT- DS ngày 04  
tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2020/DS - ST ngày 08/9/2020 của Tòa án  
nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 224/2020/QĐ - PT ngày  
12/11/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu N (vắng mặt), bà Nguyễn Thị M (có mặt); địa  
chỉ: Số 118 LTT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Nguyễn Văn  
Năm – Văn phòng Luật sư Đức Duy – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Địa chỉ: Số 62 DVN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Đức K; địa chỉ: Số 175 NCT, phường TA, thành phố B,  
tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH khách sạn du lịch HB; địa chỉ: Số 175 NCT, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức K – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H - Chức vụ: Phó giám đốc; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Đức K

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **\* Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Ngày 01/01/2018 ông Phạm Đức K có vay vợ chồng tôi số tiền là 1.310.000.000 đồng (một tỷ ba trăm mười triệu đồng) hai bên có xác lập hợp đồng vay tiền viết tay, không có công chứng chứng thực. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng vào các ngày từ 28 đến 31 hàng tháng tính từ ngày vay, nếu cuối tháng ông K chưa trả tiền lãi cho vợ chồng tôi thì sẽ cộng tiền lãi vào nợ gốc và tiếp tục nhân lãi suất cho tháng tiếp theo, thời hạn vay là 06 tháng, ngày trả nợ cuối là ngày 30/6/2018. Khi vay tiền thì hai bên không có thế chấp, tín chấp tài sản giấy tờ gì.

Từ khi vay cho đến nay ông K không trả nợ lãi và nợ gốc cho vợ chồng tôi như đã thỏa thuận mặc dù vợ chồng tôi đã đòi nhiều lần. Vì vậy vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Phạm Đức K phải trả cho vợ chồng tôi tổng số tiền nợ là 1.611.300.000 đồng (một tỷ sáu trăm mười một triệu ba trăm ngàn đồng) trong đó nợ gốc là 1.310.000.000 đồng (một tỷ ba trăm mười triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 tính đến ngày 01/12/2019 là 301.300.000 đồng (ba trăm lẻ một triệu ba trăm ngàn đồng) và lãi suất phát sinh tiếp theo theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền hai bên đã ký kết.

#### **\* Bị đơn ông Phạm Đức K trình bày:**

Tôi (Phạm Đức K) xác định vào ngày 01/01/2018 tôi có ký hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M để vay số tiền 1.310.000.000 đồng (một tỷ ba trăm mười triệu đồng). Tôi xác định chữ ký tại phần “ĐỊA DIỆN BÊN B” trong hợp đồng vay tiền mà ông N, bà M cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký của tôi. Tại thời điểm xác lập hợp đồng vay tiền với ông N, bà M, tôi ký hợp đồng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH khách sạn du lịch HB, mục đích vay tiền để bổ sung vốn thi công một số công trình của Công ty TNHH khách sạn du lịch HB còn cá nhân tôi không vay tiền của ông N, bà M.

Tuy nhiên trên thực tế hợp đồng này chưa hoàn tất vì giữa hai bên chưa giao nhận tiền trên thực tế nên Công ty TNHH khách sạn du lịch HB chưa đóng dấu vào

hợp đồng vay tiền nên hợp đồng này chưa phát sinh hiệu lực.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà M về việc buộc cá nhân tôi phải có trách nhiệm trả cho ông N, bà M số tiền nợ gốc là 1.310.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền xác lập vào ngày 01/01/2018 và tiền lãi thì tôi không đồng ý.

**\* Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH khách sạn du lịch HB là ông Trần Nhị trình bày:**

Ngày 01/01/2018, ông Phạm Đức K có ký với ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M một hợp đồng vay khoản tiền 1.310.000.000 đồng (một tỷ ba trăm mười triệu đồng), thời điểm xác lập hợp đồng ông K ký hợp đồng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH khách sạn du lịch HB vay tiền với mục đích bổ sung vốn cho các hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, sau khi ký kết hợp đồng, do ông N, bà M chưa giao tiền nên Công ty TNHH khách sạn du lịch HB chưa đóng dấu vào hợp đồng nên hợp đồng chưa có giá trị pháp lý.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2020/DSST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.*

*Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Phạm Đức K phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M tổng số tiền nợ là 1.904.085.000 đồng (một tỷ chín trăm lẻ bốn triệu không trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Trong đó:

Nợ gốc là 1.310.000.000 đồng (một tỷ ba trăm mười triệu đồng)

Nợ lãi trong hạn (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018) là 78.600.000 đồng.

Nợ lãi quá hạn (từ ngày 01/7/2018 đến ngày 08/9/2020) là 515.485.000 đồng

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất chậm trả phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2020, bị đơn ông Phạm Đức K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Phạm Đức K vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

*Về tố tụng:* Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 BLTTDS, chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Đức K, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 86/2020/DS – ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Rõ ràng hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Đức K ký kết ngày 01/01/2018 không có việc giao nhận tiền mà là quyết toán của các hợp đồng vay tiền trước đó. Bởi lẽ:

[1]. Ngày 29/11/2020, bị đơn ông Phạm Đức K cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk các tài liệu, chứng cứ là Bảng tính chi tiết lãi suất tiền vay từ năm 2010 đến ngày 31/12/2017. Theo ông Phạm Đức K, các tài liệu, chứng cứ trên để chứng minh cho việc khoản tiền vay 1.310.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 01/01/2018 là không có căn cứ, mà thực chất là từ khoản tiền 100.000.000 đồng Công ty TNHH T vay của ông N, bà M vào năm 2008, sau đó ông N, bà M tính lãi mẹ đẻ lãi con lên đến ngày 31/12/2017 với tổng số tiền 1.310.000.000 đồng.

Tại buổi làm việc ngày 04/12/2020, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị M cũng thừa nhận chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu N (Nguyễn Như N) và Nguyễn Thị M trong các tài liệu, chứng cứ do ông K cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là chữ ký của ông N và bà M. Ông N, bà M cũng thừa nhận: do giữa vợ chồng ông N, bà M với ông Phạm Đức K có quan hệ làm ăn với nhau, ông K đã nhiều lần vay tiền của ông N, bà M. Mỗi lần vay các bên thường lập hợp đồng vay thời hạn từ 06 tháng đến 01 năm. Đến hạn trả nợ, có lần ông K trả được tiền cho vợ chồng bà M nhưng cũng có lần không trả nên các bên thống nhất lập bảng tính đối với số tiền ông K còn nợ lại, sau đó các bên lại lập hợp đồng mới và hủy hợp đồng cũ đã vay trước đó đi. Đối với hợp đồng vay ngày 01/01/2018, bà Nguyễn Thị M xác định: Ngày 01/01/2018, các bên tính lãi suất chi tiết tiền vay của hợp đồng vay tiền ngày

01/7/2017, theo đó đến ngày 31/12/2017 thì ông Phạm Đức K còn nợ của vợ chồng ông N, bà M số tiền gốc và lãi là 1.310.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm mười triệu đồng). Do ông K không có tiền để thanh toán nên các bên thống nhất lập hợp đồng vay tiền mới, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 với nội dung ông K vay của ông N, bà M số tiền 1.310.000.000 đồng. Trên thực tế, ngày 01/01/2018 giữa các bên không có việc giao nhận tiền mà số tiền 1.310.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 01/01/2018 đã được giao cho ông K vào những lần trước đó. Tuy nhiên, do ông K đã đồng ý ký vào hợp đồng vay tiền ngày 01/01/2018 có nghĩa là ông K thừa nhận có nợ của ông N, bà M số tiền 1.310.000.000 đồng. Do vậy, ông K phải có trách nhiệm trả cho ông N, bà M số tiền nói trên.

[2]. Như vậy, có căn cứ để xác định số tiền 1.310.000.000 đồng thực tế là khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ những lần vay trước đó, vì vậy, cần yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện cho các lần vay tiền và giao nhận tiền trước đó thì mới có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, theo các tài liệu, chứng cứ do ông Phạm Đức K cung cấp thì mức lãi suất từ ngày 01/6/2010 đến ngày 31/12/2013 là 02%; lãi suất từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 là 1,5% - vượt quá mức lãi suất cho phép theo quy định tại Điều 476 BLDS năm 2005 nên cần phải tính toán lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, cũng cần xác định lại khoản vay ban đầu là do cá nhân ông Phạm Đức K vay hay do Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH khách sạn – du lịch HB) vay để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên nếu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm sẽ làm mất quyền kháng cáo của các bên. Vì vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Đức K hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí:

- Về án phí DSST: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Về án phí DSPT: Do được chấp nhận kháng cáo nên ông Phạm Đức K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Phạm Đức K đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSPT.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Đức K

Hủy toàn bản án dân sự sơ thẩm số 86/2020/DS - ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về án phí:

- Về án phí DSST: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

- Về án phí DSPT: Ông Phạm Đức K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Phạm Đức K đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Triết**